

Mẫu 08-CBTT/SGDHN

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39/2023/CV-VSMMMB

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc
- Mã chứng khoán: TET
- Địa chỉ: Số 79 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 39360808/ 0914463550 Fax: 024 39360909
- E-mail: hoaltk63@gmail.com
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Hoàng Long

Chức vụ: Thành viên HĐQT/ Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết, biên bản và tài liệu kèm theo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/04/2023 tại đường dẫn textaco.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:

Nghị quyết số 31/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Biên bản số 19/2023/BB-ĐHĐCĐ

và các tài liệu kèm theo Biên bản

Đại diện tổ chức
Người UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hoàng Long

Số: 31/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc;
- Căn cứ Biên bản Đại hội và Biên bản kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc ngày 21/04/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc được tổ chức tại A25 Hotel Sahul số 684 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 21/04/2023 với số cổ đông tham dự 11 và 03 người được ủy quyền, đại diện cho 5.006.804.CP bằng 87,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và định hướng năm 2023
- Điều 2:** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023
- Điều 3:** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ năm 2022 và phương hướng năm 2023
- Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022
- Điều 5:** Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 mức 9%. Dự kiến cổ tức năm 2023 từ 4% đến 6 %
- Điều 6:** Thông qua Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022 và kế hoạch năm 2023



Điều 7: Thông qua Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Điều 8: Thông qua Tờ trình hoạt động đầu tư vốn năm 2022

Điều 9: Thông qua Tờ trình Hợp đồng đầu tư vốn năm 2023

Điều 10: Thông qua Tờ trình dự kiến kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng phục vụ sản xuất và PCCC

Điều 11: Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Điều 12: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 13: Thông qua từ nhiệm thành viên HĐQT, BKS và kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS:

*** Kết quả từ nhiệm thành viên HĐQT, BKS:**

1. Bà Trần Thị Quỳnh Giao – Thành viên HĐQT
2. Bà Lê Thị Dung – Thành viên BKS
3. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên BKS

*** Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

- Danh sách trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Trần Đức Chung

- Danh sách trúng cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông Chu Hoàng Nam
2. Bà Bùi Thị Minh Phương

Nghị quyết này gồm 02 trang và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc thông qua tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện./.

Nơi gửi:

- UBCK Nhà nước, Sở GDCKHN
- HĐQT, BKS
- CBTT
- Lưu: VT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Nguyễn Thị Diệu Thùy

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tên doanh nghiệp	Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc
Địa chỉ	Số 79 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Giấy chứng nhận ĐKDN	0100108127 cấp lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 12 tháng 9 năm 2022
Thời gian họp	Bắt đầu lúc 9 giờ 0 phút ngày 21 tháng 04 năm 2023
Địa điểm họp	A25 Hotel Sahul 684 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chương trình và nội dung Đại hội	Theo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua (như được đính kèm Biên bản này)
Thành phần tham dự	Tất cả cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 21 tháng 03 năm 2023 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp
Chủ tọa Đại hội	Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy
Thư ký Đại hội	Bà Thạch Thị Thu Hường, Bà Thạch Thị Thúy Hằng
Số đại biểu tham dự	Số cổ đông tham dự 11 và 03 người được ủy quyền, đại diện cho 5.006.804 cổ phần bằng 87,79% số cổ phần có quyền biểu quyết

I/ KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Tuyên bố lý do khai mạc Đại hội

Bà Lê Thị Kim Hoa thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

2. Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa thay mặt Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra đại biểu tham dự Đại hội như sau:

Tính đến 9 giờ 00 phút ngày 21 tháng 4 năm 2023, cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện sở hữu cho 5.004.467 cổ phần, chiếm tỷ lệ 87,75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và các điều khoản quy định tại Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc có đủ điều kiện để tiến hành

II/ DIỄN BIẾN KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Quy chế làm việc của Đại hội

Sau khi nghe đọc toàn văn Quy chế làm việc, Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Đồng ý : 5.006.804 cổ phần với tỷ lệ 100 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
- Không đồng ý: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
- Ý kiến khác : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

2. Thông qua chương trình làm việc của Đại hội

Chương trình của Đại hội bao gồm thảo luận và thông qua các báo cáo, tờ trình đã gửi cho các cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể gồm các nội dung sau:

- 2.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 2.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 2.3. Báo cáo của Ban điều hành
- 2.4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022
- 2.5. Tờ trình Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022 và phương án năm 2023
- 2.6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 và dự kiến cổ tức năm 2023
- 2.7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
- 2.8. Tờ trình thông qua hoạt động đầu tư vốn năm 2022
- 2.9. Tờ trình thông qua Hợp đồng đầu tư vốn năm 2023
- 2.10. Tờ trình thông qua dự trù kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng phục vụ sản xuất và PCCC
- 2.11. Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi
- 2.12. Thông qua Quy chế nội bộ công ty
- 2.13. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Đồng ý : 5.006.804 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu

Ban tổ chức đã giới thiệu nhân sự tham gia điều hành Đại hội như sau:

3.1. Đoàn Chủ tịch:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy: Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- Ông Phạm Hoàng Long: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc – Thành viên

3.2. Ban Thư ký:

- Bà Thạch Thị Thu Hương: Trưởng ban
- Bà Thạch Thị Thúy Hằng: Thành viên

3.3. Ban kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Thị Đức Hà - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa – Thành viên
- Bà Phùng Thị Kim Lan - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 5.006.804 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Không đồng ý : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
 Ý kiến khác : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

Ban tổ chức mời Đoàn Chủ tịch tiến hành điều khiển Đại hội và Ban Thư ký ghi lại nội dung diễn biến Đại hội

III/ NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022 (Có văn bản đính kèm)

2. Bà Phùng Thị Kim Lan – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban năm 2022 (Có văn bản đính kèm)

3. Ông Phạm Hoàng Long – Tổng giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023(Có văn bản đính kèm)

4. Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Chủ tịch HĐQT trình bày các Tờ trình:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (có văn bản đính kèm)
- Tờ trình phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 và dự kiến cổ tức năm 2023 (Có văn bản đính kèm)
- Tờ trình báo cáo thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (có văn bản đính kèm)
- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Có văn bản đính kèm)

6. Ông Phạm Hoàng Long trình bày các Tờ trình:

- Tờ trình hoạt động đầu tư vốn năm 2022 (có văn bản đính kèm)
- Tờ trình thông qua Hợp đồng đầu tư vốn năm 2023 (có văn bản đính kèm)
- Tờ trình dự kiến kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng phục vụ hoạt động sản xuất và PCCC (có văn bản đính kèm)

7. Bà Lê Thị Kim Hoa – Thư ký công ty trình bày nội dung sửa đổi của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (có văn bản đính kèm)

8. Bà Lê Thị Kim Hoa – Thư ký công ty công bố các đơn từ nhiệm của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát đồng thời thông qua Danh sách ứng viên được đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 (Có danh sách ứng viên đính kèm)

IV/ THẢO LUẬN

*Ý kiến và câu hỏi của cổ đông Nguyễn Huy Tú:

- Nhất trí với các Báo cáo và Tờ trình đã trình bày tại đại hội
- Câu hỏi:
- 1. Là cổ đông nhưng không thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của công ty nên muốn hỏi về Dự án tại khu vực 79 Lạc Trung là dự án nào?
- 2. Cổ phiếu TET trên sàn hầu như không có giao dịch do đó nên xem xét về việc hủy niêm yết hay không?

*Chủ tọa đại hội: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy trả lời cổ đông Nguyễn Huy Tú

- Cảm ơn cổ đông Tú đã có ý kiến và TM chủ tọa đại hội xin trả lời 2 câu hỏi như sau:

1. Dự án tại 79 Lạc Trung là dự án “Trung tâm Thương mại-Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng” được kết hợp giữa Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc và Công ty cổ phần Nhật Anh tại số 605 Minh Khai. Từ nay cho đến 2,3 năm nữa khó thực hiện được dự án nên công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc mở lại sản xuất may mặc với mục đích quản lý khu đất đúng theo mục đích sử dụng và tạo thêm doanh thu thực hiện nghĩa vụ thuế Nhà Nước tại khu đất này.

- Cổ phiếu TET không giao dịch nhiều trên sàn vì số cổ phần tập trung ở một vài cổ đông lớn là tổ chức nên nhu cầu giao dịch ít, tuy nhiên vẫn phải niêm yết để có tính minh bạch cho các cổ đông.

V/ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

1. Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình, nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Bà Nguyễn Thị Đức Hà – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Quy chế biểu quyết. Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý	: 5.006.804	cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý	: 0	cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác	: 0	cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

Tại thời điểm tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, tổng số đại biểu tham dự Đại hội là 12 người, đại diện cho 5.006.804.cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội chiếm 100% cổ phần có quyền biểu quyết

Bà Nguyễn Thị Đức Hà – Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn và điều hành cổ đông bỏ phiếu biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội

2. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Đức Hà – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Quy chế bầu cử. Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý	: 5.006.804	cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Không đồng ý	: 0	cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội
Ý kiến khác	: 0	cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

Tại thời điểm tiến hành bỏ phiếu bầu cử, tổng số đại biểu tham dự Đại hội là 12 người, đại diện cho 5.006.804 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội chiếm 100% cổ phần có quyền biểu quyết

Bà Nguyễn Thị Đức Hà – Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn và điều hành cổ đông bỏ phiếu bầu cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát

VI/ GIẢI LAO

Trong thời gian chờ Ban kiểm phiếu làm việc, Đại hội nghỉ giải lao 25 phút

VII/ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Kết thúc thời gian nghỉ giải lao, Chủ tọa mời Bà Nguyễn Thị Đức Hà – Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả bầu cử

A. Kết quả biểu quyết các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2022 và phương hướng năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm 100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm 100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ năm 2022 và phương hướng năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm 100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm 100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết

Nội dung 5: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2022, mức chia cổ tức năm 2022 là 9% và dự kiến mức cổ tức năm 2023 từ 4% đến 6%

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm 100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm 0%	số CP biểu quyết

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình báo cáo thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 7: Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình hoạt động đầu tư vốn năm 2022

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 9: Thông qua Tờ trình Hợp đồng đầu tư vốn năm 2023

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình dự kiến kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng phục vụ hoạt động sản xuất và PCCC

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 11: Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ công ty

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không ý kiến	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết
Không hợp lệ	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Nội dung 12: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Tán thành	: 5.006.804	cổ phần	chiếm	100%	số CP biểu quyết
Không tán thành	: 0	cổ phần	chiếm	0%	số CP biểu quyết

Không ý kiến : 0 cổ phần chiếm 0% số CP biểu quyết
Không hợp lệ : 0 cổ phần chiếm 0% số CP biểu quyết

B. Kết quả bầu cử:

Nội dung 13: Thông qua từ nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS

• Bầu bổ sung thành viên HĐQT

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu là: 12 cổ đông, với tổng số phiếu bầu là 13 phiếu

- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 13 phiếu

- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả như sau:

Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
Trần Đức Chung	5.006.804	100%

• Bầu bổ sung thành viên BKS

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu là: 12 cổ đông, với tổng số phiếu bầu là 13 phiếu

- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 13 phiếu

- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả như sau:

Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
Chu Hoàng Nam	4.996.453	99,79%
Bùi Thị Minh Phương	5.017.155	100,21%

VIII/ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Thạch Thị Thu Hương – Trưởng Ban thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

2. Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội

Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 5.006.804 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

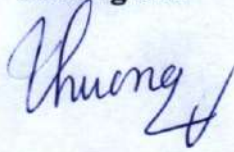
Ý kiến khác : 0 cổ phần với tỷ lệ 0 % số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội

Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Chủ tọa đại hội cảm ơn cổ đông và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc gồm 08 trang, được lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 04 năm 2023

Biên bản được lập với chữ ký của Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký dưới đây

TM. BAN THƯ KÝ
Trưởng ban



Thạch Thị Thu Hường

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
Chủ tọa



Nguyễn Thị Diệu Thùy



Số: 26 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2023**

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc trong năm 2021 gồm những thành viên sau:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Thành Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Trần Thị Quỳnh Giao – Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Xuân Thu – Thành viên HĐQT
5. Ông Phạm Hoàng Long – Thành viên HĐQT

I/ Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên trong năm 2022

1. Tổng tiền thù lao: 294.000.000 đồng, trong đó:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy : 96.000.000 đồng
- Ông Trần Thành Vinh : 54.000.000 đồng
- Bà Trần Thị Quỳnh Giao : 48.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Xuân Thu : 48.000.000 đồng
- Ông Phạm Hoàng Long : 48.000.000 đồng

2. Các khoản khác: Tiền lương và các khoản khác chi trả cho Ban Tổng giám đốc:

- Ông Phạm Hoàng Long – TGD (từ ngày 01/09/2022 đến nay): 86.670.000 đồng
- Bà Trần Thị Quỳnh Giao – TGD (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/08/2022): 229.000.000 đồng
- Ông Phạm Quang Vũ – Phó tổng giám đốc: 223.270.000 đồng

II/ Về các hoạt động của HĐQT trong năm 2022

1. Các cuộc họp:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp và thông qua nhiều nội dung liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Nội dung cụ thể như sau:

- Phê duyệt phương án đầu tư vốn vào Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại Thái Minh;
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng 22/03/2022 chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022



- Quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt mức 3%/VĐL
- Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư vốn vào Công ty cổ phần E&C Hà Nội;
- Quyết định ngày ĐKCC 16/12/2022 chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mức 6%/ VĐL
- Miễn nhiệm chức vụ Phó TGD Công ty;
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty;
- Chấp thuận gia hạn Hợp đồng đầu tư vốn và gia hạn nợ lãi với các Hợp đồng đầu tư vốn

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

a. Các hoạt động chính:

- Hội đồng quản trị Công ty đã làm việc nghiêm túc, đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- Chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc triển khai và thực hiện các nghị quyết và quyết định của HĐQT nhằm đem lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh;

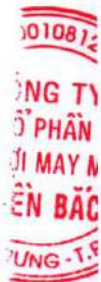
b. Kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

- Doanh thu thực hiện : 22.997.604.620 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 12.496.725.582 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 9.756.881.421 đồng

III/ Phương hướng năm 2023

Năm 2023, Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ, công tác như sau:

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
2. Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Chỉ đạo và phối hợp với Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Tổng giám đốc thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể như sau:
 - a. Duy trì các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại khu vực Đức Giang. Tăng cường tìm kiếm khách hàng, khai thác tối đa diện tích sẵn có, đảm bảo doanh thu bằng và vượt năm 2022
 - b. Cải tạo, sửa chữa khu vực 79 Lạc Trung để triển khai mở lại hoạt động sản xuất may mặc.
4. Tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại khu vực Đức Giang. Tăng cường tìm kiếm khách hàng để đảm bảo doanh thu, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;
5. Triển khai thực hiện việc mở lại sản xuất, gia công hàng may mặc tại 79 Lạc Trung. Bao gồm:
 - a. Tuyển dụng công nhân;



b. Mua sắm thiết bị máy móc;

c. Tìm kiếm khách hàng, hợp đồng gia công sản xuất hàng may mặc thời trang.

6. Tăng cường công tác chi đạo, giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý trong công ty để đảm bảo tính trung thực, minh bạch đối với công ty niêm yết.

Trên đây là báo cáo một số nội dung cơ bản của HĐQT đã thực hiện trong năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẢI SỢI MAY MẶC
MIỀN BẮC
Q. HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI
Nguyễn Thị Diệu Thùy

C.T.C.P
★
IQ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2022**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

của công ty như sau:

Ban kiểm soát hoạt động trong năm 2022 gồm có:

- Bà Phùng Thị Kim Lan – trưởng BKS
- Bà Nguyễn Thu Hương – thành viên BKS
- Bà Lê Thị Dung – thành viên BKS

I. Thù lao chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. Tổng tiền thù lao: 78.000.000 đồng, trong đó:

- Bà Phùng Thị Kim Lan: 30.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thu Hương: 24.000.000 đồng
- Bà Lê Thị Dung: 24.000.000 đồng

2. Các khoản khác: Tiền lương và các khoản khác chi trả cho bà Phùng Thị Kim Lan: 119.980.000 đồng

II. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022:

1. Tổng số cuộc họp trong năm: 2
2. Nội dung các cuộc họp:



Xem xét báo cáo tài chính quý, năm 2022 và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Hoạt động trong năm:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban theo Điều lệ công ty.

- Xem xét tính hợp pháp các văn bản do HĐQT và Tổng giám đốc ban hành, đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ công ty và pháp luật qui định.

- Các báo cáo tài chính quý, năm 2022 của công ty đảm bảo tính trung thực, minh bạch về tài chính.

- Việc thực hiện công bố thông tin của công ty tuân thủ đúng thời gian, thời hạn công bố theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp

III. Phương hướng hoạt động năm 2023:

1. Thực hiện tốt việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty.

2. Giám sát việc triển khai và quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của HĐQT cũng như Tổng giám đốc, đảm bảo thực hiện theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

3. Tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động trong năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Phùng Thị Kim Lan



Số: 34 /BC-TGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc**

Tổng giám đốc Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và đề xuất phương hướng hoạt động năm 2023 với những nội dung sau:

I/ Hoạt động kinh doanh năm 2022

1. Khai thác diện tích kinh doanh:

1.1. Tại Đức Giang: Năm 2022 Công ty ký hợp đồng với khách hàng trông giữ kho (khoảng 90% diện tích lấp đầy). Diện tích kiot và văn phòng hầu như không có khách thuê.

1.2. Tại Lạc Trung: Năm 2022 do yêu cầu của công tác đầu tư nên toàn bộ diện tích tại Lạc Trung không cho thuê.

2. Kết quả kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: 22.997.604.620 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12.496.725.582 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 9.756.881.421 đồng

II/ Hợp tác đầu tư:

1. Các hợp đồng đầu tư:

1.1. Hợp đồng số 02/HDDTV/VSMB-TM ngày 06/01/2022 về việc Công ty đồng ý đầu tư vốn vào Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh

- Tổng số vốn đầu tư: 25.000.000.000 đồng
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/ năm
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022
- Lợi nhuận: 1.923.287.671 đồng

1.2. Hợp đồng số 14/HDDTV/VSMB-EC ngày 15/06/2022 về việc Công ty đồng ý đầu tư vốn vào Công ty CP E&C Hà Nội, cụ thể:

- Tổng số vốn đầu tư: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)



- Lãi suất đầu tư: 7,8%/ năm
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022
- Lợi nhuận: 1.282.191.781 đồng

2. Kết quả đầu tư:

Ngày 31/12/2022 Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và thương mại Thái Minh và Công ty cổ phần E&C Hà Nội đã thanh toán gốc phần vốn góp cho Công ty Vải Sợi tổng số tiền là: 55.000.000.000 đồng.

Ngày 29/03/2023, đối tác đã chuyển trả số tiền lãi của 02 hợp đồng là: 3.205.479.452 đồng (Ba tỷ hai trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng)

III/ Tổ chức nhân sự:

Tổng số lao động của công ty đến 31/12/2022 là: 34 người

IV/ Phương hướng hoạt động năm 2023

1. Khu vực Đức Giang:

Để tiếp tục duy trì và tăng cường khai thác diện tích sẵn có, Công ty cần phải trang bị hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống hút khói, ... Hoàn thiện việc thẩm duyệt và nghiệm thu hệ thống PCCC theo yêu cầu của các cơ quan chức năng. Công ty đã ký cam kết lộ trình thực hiện gửi UBND và Công an quận Long Biên.

2. Khu vực Lạc Trung:

Do việc thực hiện Dự án tại khu vực chưa triển khai được, Tổng giám đốc công ty đã có Tờ trình số 68/2022/TTr-TGD ngày 29/12/2022 về việc: Báo cáo và đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023 và đã được Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐQT. Cụ thể:

- Mở lại hoạt động sản xuất gia công hàng may mặc;
- Cải tạo, sửa chữa khu văn phòng, nhà xưởng để tổ chức sản xuất;
- Tuyển dụng lao động may;
- Doanh thu dự kiến: Năm 2023 là 4 tỷ đồng. Các năm tiếp theo dự kiến 6 tỷ đồng/năm

3. Đầu tư vốn:

3.1. Ký Hợp đồng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh thương mại Bảo Long vay vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổng số tiền cho vay: 25.000.000.000 VNĐ
- Lãi suất cho vay: 13%/năm (cơ sở tính lãi 365 ngày)
- Thời hạn cho vay: Từ ngày 09/01/2023 đến ngày 31/12/2023
- Kỳ hạn thanh toán lãi: thanh toán vào cuối kỳ

3.2. Ký Hợp đồng cho Công ty TNHH xây dựng dân dụng và thương mại Thái Minh vay vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổng số tiền cho vay: 30.000.000.000 VNĐ



- Lãi suất cho vay: 13%/năm (cơ sở tính lãi 365 ngày)
- Thời hạn cho vay: Từ ngày 06/01/2023 đến ngày 31/12/2023
- Kỳ hạn thanh toán lãi: thanh toán vào cuối kỳ

4. Dự kiến doanh thu năm 2023: 26 tỷ đồng

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Tổng giám đốc Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc xin kính trình Đại hội.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Phạm Hoàng Long

TCR

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 23/4/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc, xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC tiến hành kiểm toán, được Ban Kiểm soát công ty kiểm tra và đã được HĐQT Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc công bố công khai theo quy định. Các báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm:

1. Báo cáo của Ban giám đốc
2. Báo cáo của kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	114.517.483.665
2	Doanh thu thuần	22.997.604.620
3	Lợi nhuận trước thuế	12.496.725.582
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021	2.739.844.161
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.756.881.421
6	Lãi cơ bản/ 1 cổ phiếu	1.711

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!


Nguyễn Thị Diệu Thùy

Số: 28 /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022
Dự kiến mức chia cổ tức năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022, cụ thể:

TT	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.240.812.806
1	Các năm trước để lại		13.483.931.385
2	Năm 2022		9.756.881.421
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		23.240.812.806
1	Cổ tức bằng tiền mặt (9% vốn điều lệ)	9% x VĐL	5.132.646.000
2	Quỹ dự phòng tài chính (5% LNST)	= I.2 x 5%	487.844.071
3	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	= I.2 x 20%	1.951.376.284
4	Quỹ phúc lợi tập thể (5% LNST)	= I.2 x 5%	487.844.071
5	Quỹ khen thưởng (5% LNST)	= I.2 x 5%	487.844.071
III	Lợi nhuận chưa phân phối để lại		14.693.258.309

2. Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt mức 9%

3. Dự kiến cổ tức năm 2023 mức 4% đến 6%

Hội đồng quản trị kính trình!


CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Diệu Thùy

Số: 29 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022
và phương án năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
 - Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán.
- Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2022 như sau:

Diễn giải	Số người	Mức đồng/người/tháng	Tổng cộng (12 tháng)
1.Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	96.000.000
Phó CT HĐQT	1	4.500.000	54.000.000
Ủy viên HĐQT	3	4.000.000	144.000.000
2.Ban Kiểm soát			
Trưởng BKS	1	2.500.000	30.000.000
Thành viên BKS	2	2.000.000	48.000.000
3. Thư ký	1	2.000.000	24.000.000
Tổng đã chi năm 2022			396.000.000

2. Dự kiến chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2023 như sau:

Diễn giải	Số người	Mức đồng/người/tháng	Tổng cộng (12 tháng)
1.Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	96.000.000
Phó CT HĐQT	1	4.500.000	54.000.000
Ủy viên HĐQT	3	4.000.000	144.000.000
2.Ban Kiểm soát			
Trưởng BKS	1	2.500.000	30.000.000
Thành viên BKS	2	2.000.000	48.000.000
3. Thư ký	1	2.000.000	24.000.000
Tổng			396.000.000

Xin ý kiến Đại hội xem xét thông qua!

Nơi gửi:

- Như trên
- TV HĐQT
- BKS
- Lưu VT, TK



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số: 30 / TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Phương án lựa chọn 1 trong 3 Công ty Kiểm toán độc lập (danh sách dưới đây) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc. Các công ty kiểm toán này hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty niêm yết.

STT	Tên công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
2	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị khi đến kỳ kiểm toán sẽ lựa chọn ra 1 trong 3 Công ty kiểm toán trên để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!


Nguyễn Thị Diệu Thùy

Số: 31 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về hoạt động đầu tư vốn trong năm 2022

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về hoạt động đầu tư vốn của Công ty với các công ty đối tác trong năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Các hợp đồng đầu tư:

1.1. Hợp đồng số 02/HDDTV/VSMB-TM ngày 06/01/2022 về việc Công ty đồng ý đầu tư vốn vào Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh

- Tổng số vốn đầu tư: 25.000.000.000 đồng
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/ năm
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022
- Lợi nhuận: 1.923.287.671 đồng

1.2. Hợp đồng số 14/HDDTV/VSMB-EC ngày 15/06/2022 về việc Công ty đồng ý đầu tư vốn vào Công ty CP E&C Hà Nội, cụ thể:

- Tổng số vốn đầu tư: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/ năm
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022
- Lợi nhuận: 1.282.191.781 đồng

2. Kết quả đầu tư:

Ngày 31/12/2022 Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và thương mại Thái Minh và Công ty cổ phần E&C Hà Nội đã thanh toán gốc phần vốn góp cho Công ty Vải Sợi tổng số tiền là: 55.000.000.000 đồng. (Năm mươi lăm tỷ đồng)

Ngày 29/03/2023, đối tác đã chuyển trả số tiền lãi của 02 hợp đồng là: 3.205.479.452 đồng (Ba tỷ hai trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc xin kính trình Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Như trên



Nguyễn Thị Diệu Thùy

Số: 32 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua hợp đồng đầu tư vốn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét, thông qua việc hợp tác đầu tư vốn cụ thể như sau:

I/ Thông qua Hợp đồng cho vay vốn giữa Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc với Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh. Nội dung chi tiết như sau:

1. Thông tin đối tác:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh
- Mã số thuế: 0104861959
- Địa chỉ: Số 15 ngách 41/42 phố Đông Tác, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thái Minh – Phó Tổng giám đốc

2. Nội dung:

- Số tiền hợp tác: 30.000.000.000 VNĐ
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 05/01/2023 đến ngày 31/12/2023
- Lãi suất: 13%/ năm

II/ Thông qua Hợp đồng cho vay vốn giữa Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và kinh doanh thương mại Bảo Long. Nội dung chi tiết như sau:

1. Thông tin đối tác:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh thương mại Bảo Long
- Mã số thuế: 0105912282
- Địa chỉ: Số 81 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Người đại diện: Nguyễn Minh Hải – Tổng giám đốc



2. Nội dung:

- Số tiền hợp tác: 25.000.000.000 VNĐ
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 09/01/2023 đến ngày 31/12/2023
- Lãi suất: 13%/ năm

Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông xem xét thông qua!

Nơi gửi:

- Như trên



Số: 33 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc: Thông qua dự kiến chi phí sửa chữa, cải tạo
đầu tư nhà xưởng, văn phòng, hệ thống chữa cháy**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét, thông qua dự kiến kinh phí sửa chữa, cải tạo, đầu tư nhà xưởng, văn phòng, hệ thống chữa cháy trong năm 2023 tại các khu vực. Cụ thể như sau:

I/ Thông qua dự kiến kinh phí cho việc khôi phục sản xuất tại địa chỉ 79 Lạc Trung

Tổng kinh phí dự kiến: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)

**II/ Thông qua kinh phí thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy, tại địa chỉ số 26 ngõ 53
phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên**

Tổng kinh phí dự kiến: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông xem xét thông qua!

Nơi gửi:

- Như trên
- TV HĐQT
- BKS
- Lưu VT, TK



Nguyễn Thị Diệu Thùy

Số: 25 /2023/DSBC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc;
- Căn cứ vào các Đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT và các thành viên BKS gửi đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty;
- Căn cứ vào Đơn đề cử ứng viên tham gia bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Căn cứ vào các Đơn đề cử ứng viên tham gia bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổng hợp danh sách ứng cử viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

I/ Danh sách ứng viên tham gia bầu cử bổ sung thành viên HĐQT gồm: 01 người (Có kèm theo hồ sơ của ứng viên)

1. Ông: Trần Đức Chung

II/ Danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên BKS gồm: 02 người (Có kèm theo hồ sơ của các ứng viên)

1. Ông: Chu Hoàng Nam

2. Bà Bùi thị Minh Phương

**TAM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CÔNG CHỦ TỌA
CỔ PHẦN
VẢI SỢI MAY MẶC
MIỀN BẮC**
Nguyễn Thị Diệu Thùy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 21 tháng 4 năm 2023)

Hà Nội, tháng 4 năm 2023



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-ĐHĐCĐTN của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2023

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019 /QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

f. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành” là người không làm việc và hưởng lương tại Công ty;

g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

i. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc những văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

* Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

* Tên tiếng Anh: NORTHERN TEXTILES AND GARMENT JOINTSTOCK COMPANY

* Tên viết tắt: TEXTACO

* Biểu tượng (Logo):



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

* Địa chỉ: Số 79 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Điện thoại: 024.39360808

* Fax: 024. 39360909

* Email: textaco@fpt.vn

* Website: www.textaco.vn; www.textaco.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cấp đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;

- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính, liên doanh liên kết, góp vốn mua cổ phiếu của các doanh nghiệp khác;
- Sản xuất hàng may mặc;
- Các ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhằm mục đích thu lợi nhuận cao, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của cổ đông trong hoạt động của Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể tiến hành bổ sung các hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị thông qua khi xét thấy có lợi cho Công ty. Thủ tục bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **57.029.400.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ không trăm hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)**

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.702.940 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng / cổ phần.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Các phương án khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông

hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những hình thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
- g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- h) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng giá trị mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả những khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất cho vay của các Ngân hàng Thương mại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này với giá thị trường hoặc với giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo.

Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12: Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019 và khoản 1 Điều 9 Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm;

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
- j. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có một số quyền như:

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 28.2 và 39.2.
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó hoặc người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự



toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm 1/3 (một phần ba) so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại Điều 14.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đầy đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 16 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 3d và 3e Điều 16 của Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 16 của Điều lệ này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và

tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với những đối tượng sau:
 - + Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - + Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định pháp luật.
 - o. Chấp thuận các giao dịch:
 - + Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và

những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.

+ Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau: (1) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; (2) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (3) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

+ Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho các đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức các cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 16.4b hoặc Điều 16.4c của Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc / và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ

theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại đại hội sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt tạm thời hoặc mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm họp đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và từng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục đăng ký danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên

3. Trường hợp ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 28. Thành phần, tư cách và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được tham gia Hội đồng quản trị quá 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành doanh nghiệp và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng một công ty đại chúng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành doanh nghiệp;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 32 có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những đại điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư,

phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 32, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 32, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết được rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt

và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản, thư ký từ chối ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 34: Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 36: Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận, đảm bảo phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Người điều hành doanh nghiệp sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

l. Tuyển dụng lao động;

m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Các thành viên ban kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành được nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 40. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị của Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của

hợp đồng giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 2020 chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện những chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến vấn đề tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực,

thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt nam (VAS), hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/ lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính

quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo tài chính kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Con dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương;

b. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. 04 (bốn) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 60. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Diệu Thùy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 21 tháng 4 năm 2023)

Hà Nội, tháng 4 năm 2023

A small, handwritten mark or signature in blue ink, located in the bottom right corner of the page. It appears to be a stylized initial or a signature.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

(Ban hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
số 31/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 21 tháng 4 năm 2023)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31 Ngày 21 tháng 04 năm 2023

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2005, được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 20/4/2010.

2. “Nguyên tắc quản trị công ty”: Là hệ thống các quy tắc để bảo đảm cho Công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện việc lãnh đạo và kiểm soát Công ty một cách có hiệu quả.

3. “Người có liên quan”: Là cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.

4. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: Có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty (hoặc đã làm việc cho Công ty 3 năm liền trước đó);
- Không phải là người đang hưởng lương, phụ cấp từ Công ty (trừ các khoản thù lao mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định);
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột là cổ đông lớn và/ hoặc là người quản lý của Công ty;
- Không là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập có liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền, nghĩa vụ bằng cách thảo luận, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Các vấn đề thuộc thẩm quyền thảo luận và thông qua của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Ban kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

3. Thời hạn và điều kiện tiến hành triệu tập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều lệ công ty

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc phục vụ cuộc họp theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 5: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và các quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo về việc chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

d) Cách thức bỏ phiếu;

đ) Các vấn đề cần thiết khác,

2. Danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp. Danh sách cổ đông ghi nhận các thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký cho đến ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm:

a) Họ, tên; địa chỉ thường trú/tạm trú, nơi ở hiện tại, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; hoặc Tên, số đăng ký kinh doanh/số quyết định thành lập/mã số thuế, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, họ, tên người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân;

b) Số lượng cổ phần;

c) Địa chỉ thư điện tử (nếu có);

Điều 6: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Xác định thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ lên Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) và Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc tiến hành ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày ĐKCC;

d) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp cùng với các thông tin, tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đồng thời phải công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc.

2. Thông tin và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin và tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần cung cấp cho cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

a) Mẫu Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chương trình họp;

c) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát;

đ) Báo cáo tài chính hàng năm;

e) Các tờ trình của Hội đồng quản trị;

g) Các Quy chế của Đại hội;

h) Dự thảo sửa đổi Điều lệ, dự thảo điều lệ mới (nếu có);

i) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với từng vấn đề;

k) Thông tin về các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

l) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. Phạm vi nội dung thảo luận, thông qua thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp cụ thể theo quy định tại Điều lệ; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hình thức, thời hạn kiến nghị, phản hồi kiến nghị và các trường hợp không chấp thuận kiến nghị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông:

1. Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của Cổ đông có quyền ủy quyền cho một hoặc nhiều người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi là Người được ủy quyền);

2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông nhưng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: - Phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên; - Có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật Việt Nam,

3. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện và được quy định chi tiết văn bản ủy quyền;

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu Giấy ủy quyền do Công ty ban hành.

5. Văn bản ủy quyền phải được Người được ủy quyền nộp cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và tất cả những Người được ủy quyền;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là pháp nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và Người được ủy quyền;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và Người được ủy quyền.

6. Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

2. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng;

3. Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ;

4. Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện;

5. Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức thư, fax, thư điện tử thì phải đảm bảo yếu tố bảo mật và phiếu biểu quyết phải được gửi đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp;

6. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động (bản sao công chứng, chứng thực), Thư mời

7. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi đáp ứng đầy đủ các quy định về tổng số cổ đông dự họp và thời hạn tiến hành theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Điều lệ công ty

Điều 12: Cách thức biểu quyết/bỏ phiếu

1. Các quy định chung về biểu quyết

a) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;

b) Mỗi Đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát: - Một (01) “Thẻ biểu quyết” có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội trừ các nội dung có liên quan đến đề cử, ứng cử, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; - Một (01) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện dùng để biểu quyết đối với các báo cáo, tờ trình trong Đại hội. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội; - Một (01) “Phiếu bầu cử HĐQT” có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, dùng để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty (nếu có); - Một (01) “Phiếu bầu cử BKS” có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, dùng để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (nếu có).

2. Thẻ thức biểu quyết, bầu cử - Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: Mỗi Đại biểu được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Theo đó, từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội

thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều được xin ý kiến theo trình tự: + Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình; + Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình; + Không ý kiến với nội dung vừa được trình. - Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: Mỗi Đại biểu được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không ý kiến với từng vấn đề. Đại biểu sẽ đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô lựa chọn. - Phương thức nộp “Phiếu bầu cử HĐQT”: Mỗi Đại biểu được phát một (01) phiếu bầu cử Hội đồng quản trị. Theo đó Đại biểu có thể lựa chọn một (01) trong hai (02) cách:

+ Cách 1: Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho ứng viên, Đại biểu đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng.

+ Cách 2: Nếu bầu hạn chế số phiếu cho ứng viên, Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng. - Với phiếu biểu quyết: Trường hợp Đại biểu không chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” của một nội dung cần thông qua thì nội dung đó được xem là không hợp lệ; - Với phiếu bầu: Nếu đã đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô “Bầu dồn đều phiếu”, thì không cần điền số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu”. Trong trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”. Trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình Đại hội đã gửi cho cổ đông: cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này;

3. Thẻ lệ biểu quyết và bầu cử:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) quyền biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự trực tiếp tại địa điểm họp đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Thẻ biểu quyết, 01 (một) Phiếu biểu quyết.

4. Trách nhiệm thực hiện:

Tất cả các Đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan; Tất cả các Đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội, nếu vi phạm tùy theo mức độ phải chấp thuận các biện pháp xử lý của Chủ tọa Đại hội từ việc hạn chế không được phát biểu, trực xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, không được tham gia biểu quyết, bầu cử hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo trình tự quy định của pháp luật.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Tại Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu được lựa chọn từ thành phần đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông. Nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 người;

2. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu;

3. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chi tiết sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
- b) Địa điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu phát ra, thu về;
- e) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu;
- g) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- h) Kết quả biểu quyết (trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp);
- i) Tính chất của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường);
- k) Thời gian bắt đầu thực hiện đăng ký cổ đông dự họp;
- l) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp không được tính do không hợp lệ;
- m) Hình thức biểu quyết;
- n) Tên các thành viên Ban kiểm phiếu;
- o) Ngày lập Biên bản kiểm phiếu;
- p) Thời gian bắt đầu kiểm phiếu, trong trường hợp quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả kiểm phiếu được công bố trong cuộc họp.

4. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, bầu thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông theo Quy chế đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Ban kiểm soát.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng đối với từng vấn đề sẽ được Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó;

Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi:

- (i) Tất cả các vấn đề trong chương trình đã họp và biểu quyết và
- (ii) Kết quả biểu quyết đã được thông báo;

2. Sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các Phiếu biểu quyết và các văn bản hướng dẫn biểu quyết đều được đóng dấu và bỏ vào hòm phiếu. Toàn bộ tài liệu sẽ được lưu giữ theo quy định.

Điều 15. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ có hiệu lực pháp luật.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến;

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được công bố trên website của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua;

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được áp dụng với toàn bộ các vấn đề của Công ty, bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.

2. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hợp lệ có giá trị tương đương với các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông không có ý kiến hay không tán thành.

3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải tuân thủ quy định của pháp luật và quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Trường hợp xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty, Hội đồng quản trị có quyền áp dụng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn

bản được áp dụng với toàn bộ các vấn đề của Công ty, bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.

2. Mỗi cổ đông đều được cung cấp một (01) thông báo mời họp bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện/email trước ngày họp, trên thông báo/email có Mã Đại biểu, Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc các yếu tố định danh khác do Công ty cấp tùy theo từng trường hợp cụ thể;

3. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc biểu quyết, bầu cử trên hệ thống trực tuyến;

4. Cổ đông sử dụng các yếu tố định danh khác do Công ty cấp để truy cập vào hệ thống trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bầu cử theo các nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

5. Với mỗi một vấn đề được đưa ra biểu quyết, Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn một (01) trong các phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến hiển thị trên giao diện Biểu quyết – Bầu cử tại hệ thống trực tuyến. Với nội dung bầu cử, Cổ đông lựa chọn phương thức bầu dồn hoặc bầu ghi số. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho ứng viên, cổ đông tích chọn tại cột “Bầu dồn đều phiếu” của ứng viên tương ứng trên giao diện Biểu quyết – Bầu cử tại hệ thống trực tuyến. Nếu bầu ghi số cho ứng viên nào, cổ đông điền số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của ứng viên tương ứng trên giao diện Biểu quyết – Bầu cử tại hệ thống trực tuyến. Trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình Đại hội đã gửi cho cổ đông: cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này;

6. Cách thức ghi nhận của hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh. Khi đó hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm niêm phong hòm phiếu tại địa điểm tổ chức Đại hội để kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử.

7. Thời gian biểu quyết, bầu cử trực tuyến bắt đầu kể từ khi cổ đông nhận được thông tin truy cập đến thời điểm kết thúc biểu quyết, bầu cử trực tuyến được quy định trên thông báo của hệ thống trực tuyến. Kết thúc thời gian quy định, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả biểu quyết, bầu cử trực tuyến từ cổ đông;

8. Các trình tự, thủ tục, điều kiện khác liên quan tới Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến không được quy định tại Điều này thì áp dụng tương tự như trình tự, thủ tục, điều kiện áp dụng với Đại hội đồng cổ đông trực tiếp hoặc áp dụng trình tự, thủ tục, điều kiện khác phù hợp với hoàn cảnh và tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 14 và 15 Điều lệ Công ty và các quyền cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

c. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, có website riêng để đảm bảo:

a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty theo quy định;

b. Cổ đông được đối xử công bằng.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Quy chế này đều là cổ phần phổ thông.

Điều 22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

4. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;

7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 23. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Phân công nhiệm vụ, quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, triệu tập họp, chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời;

g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế quản trị nội bộ Công ty và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Xem xét Báo cáo tài chính do kiểm toán độc lập lập, có quyền yêu cầu người điều hành và kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề liên quan đến Báo cáo kiểm toán;

c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

d) Tham dự họp Hội đồng quản trị;

đ) Yêu cầu Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cung cấp thông tin về sản xuất kinh doanh, về tài chính của Công ty;

e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ hợp đồng, giao dịch được ký kết với Công ty có trách nhiệm công khai lợi ích trong cuộc họp Hội đồng quản trị xem xét ký kết hợp đồng này.

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

a) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

đ) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

b) Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng

quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định.

Điều 27 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được tham gia Hội đồng quản trị quá 02 nhiệm kỳ.

3. Cơ cấu hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định pháp luật và tuân thủ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 28. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng một công ty đại chúng.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Các tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c) Không phải là người đang hưởng lương, trợ cấp từ công ty, trừ các khoản thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ

sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 29. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường, được biểu quyết thông qua theo đúng trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Là đại diện của Cổ đông pháp nhân mà Cổ đông đó bị mất tư cách pháp nhân;

d) Cổ đông là pháp nhân không cử thành viên đó làm đại diện nữa.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Thành viên đó cung cấp thông tin không trung thực khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống không bảo đảm tỷ lệ theo quy định, trừ trường hợp không thể tìm được ứng viên đáp ứng đủ điều kiện bởi các lý do khách quan;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về công bố thông tin

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử, ứng cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, các quy định khác tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

4. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu

cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp nhất định theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thủ tục, trình tự, thời hạn, hình thức và các điều kiện khác để tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

Điều 37. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 38. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo tới Ban Kiểm soát đồng thời và người điều hành công ty theo cùng phương thức và thời gian thông báo, phải được công bố thông tin trong các trường hợp theo quy định pháp luật.

Chương IV. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương V. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty và Thư ký Hội đồng quản trị. Các quy định tại Điều lệ và Quy chế này về Thư ký công ty được áp dụng tương tự đối với Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 40. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty

1. Có hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;

2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Có trình độ đại học hoặc trên đại học;

4. Am hiểu hoạt động của Công ty;

5. Trách nhiệm cao, giao tiếp tốt, có kỹ năng trình bày và thương lượng;

6. Có kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác;

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật,

Điều 41. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có thể kiêm nhiệm giữ chức danh người điều hành tại công ty;

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, được kiêm nhiệm các chức danh người điều hành tại công ty nhưng không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty theo quy định tại Điều lệ. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty trong trường hợp này khi có đề xuất của Tổng Giám đốc và đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty mới thay thế.

b) Có đơn từ chức. Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty trong trường hợp này và tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty mới để thay thế.

Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị /Thư ký công ty

Công ty phải thông về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty theo quy định pháp luật.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị /Thư ký công ty

Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ quy định theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (tức Kiểm soát viên).

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

2. Trường hợp vi phạm quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

3. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp

Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Kiểm soát viên và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp

b) Là đại diện của cổ đông pháp nhân mà cổ đông đó bị mất tư cách pháp nhân;

c) Kiểm soát viên đương nhiệm là đại diện của cổ đông và cổ đông đó muốn thay thế đại diện của mình. Trường hợp này, cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới Hội đồng quản trị và ban kiểm soát để xem xét giải quyết theo quy định hiện hành;

d) Có đơn từ chức và được chấp thuận; Trường hợp này Kiểm soát viên phải gửi đơn đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ;

d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang phải chấp hành hình phạt tù; hoặc bị cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép hành nghề do vi phạm pháp luật;

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm ĐHĐCĐ quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty phải thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên trên website của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo mẫu do pháp luật quy định (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC).

Điều 53. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Công ty; Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 54: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01(một) Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 55: Người điều hành doanh nghiệp

1.Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận, đảm bảo phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.

2.Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Người điều hành doanh nghiệp sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 56: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ

cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 57. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Ban kiểm soát:

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự và phát biểu tại cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết;

b) Kết quả họp Hội đồng quản trị phải được thông báo bằng văn bản gửi tới các thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết phiên họp. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

c) Triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong các trường hợp: Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Quy chế này, vi phạm quy định tại Điều lệ hoặc quy định pháp luật; Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập nhưng Chủ tịch Hội đồng quản trị chưa triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty; Kiến nghị khắc phục các sai phạm được phát hiện sau khi có kết quả kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của công ty.

d) Phản hồi đề xuất của Ban kiểm soát về số lượng thành viên Ban kiểm soát, đề xuất về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có) trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất;

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị:

a) Ban kiểm soát có thể xin ý kiến Hội đồng quản trị về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát nhưng Ban kiểm soát xét thấy cần xin ý kiến Hội đồng quản trị trước khi thực hiện;

b) Việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thì thành viên Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trường Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trường Ban kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát cần có ý kiến bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

e) Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g) Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tài chính;

h) Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà Hội đồng quản trị gửi đến Ban kiểm soát để có ý kiến thì Ban kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu.

Điều 58. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc;

b) Kết quả họp Hội đồng quản trị phải được thông báo bằng văn bản gửi tới Tổng giám đốc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết phiên họp. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

c) Xem xét yêu cầu của Tổng Giám đốc về việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp Tổng giám đốc xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

d) Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực Công ty trước ít nhất là 45 ngày.

đ) Việc Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Điều hành phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và phải gửi bản chính đến Tổng Giám đốc, đồng thời phải thông tin đến Thư ký công ty;

e) Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị phải phản hồi cho Tổng Giám đốc trong thời hạn 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận;

g) Trong trường hợp cấp thiết, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc người điều hành cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của công ty. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc thông qua Người phụ trách quản trị công ty trước ít nhất 03 ngày làm việc;

h) Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị nội bộ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

i) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được hồ sơ đề nghị phê chuẩn hợp lệ;

k) Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành, Hội đồng quản trị phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý;

l) Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành hoặc bất kỳ người điều hành Công ty nào khác thì Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và nội dung chuẩn bị trước cho người được mời họp trong thời hạn 07 ngày làm việc tính đến ngày Hội đồng quản trị dự kiến tổ chức họp;

m) Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc phải được gửi trước cho Tổng Giám đốc trong thời hạn 03 ngày làm việc tính đến ngày Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc có ý kiến.

2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị

a) Tổng giám đốc có thể xin ý kiến Hội đồng quản trị về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc nhưng Tổng giám đốc xét thấy cần xin ý kiến Hội đồng quản trị trước khi thực hiện;

b) Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại Phiên họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Hội đồng quản trị trong từng trường hợp cụ thể;

c) Trước ngày 31/12 hàng năm, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

d) Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: Các giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp khác mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của công ty là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên hoặc là Tổng giám đốc của doanh nghiệp đó trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; Các hợp đồng giao dịch của công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành công ty, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ hoặc đối tác, tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính; Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.

đ) Tại Phiên họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm, báo cáo việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc;

e) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo

bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó;

g) Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;

h) Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ, Tổng giám đốc gửi Tờ trình đến Hội đồng quản trị trước 07 ngày.

Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc

1. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Ban kiểm soát

a) Phải báo cáo, cung cấp thông tin về các trường hợp quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 58 Quy chế này cho Ban kiểm soát;

b) Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát và phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác;

c) Có trách nhiệm cung cấp, cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của công ty khi được Ban kiểm soát yêu cầu;

d) Tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu;

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc

a) Việc kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát không được gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc;

b) Yêu cầu tại điểm c, d khoản 1 Điều này phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc thông qua Người phụ trách quản trị công ty trước ít nhất 03 ngày làm việc.

Chương IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 60. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành khác trong từng giai đoạn cụ thể:

Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Ban Điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông; Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành.

Điều 61. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị quyết định chế độ, chính sách khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành trong từng giai đoạn cụ thể;

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định;
3. Các hình thức khen: Do Hội đồng quản trị quy định;
4. Hình thức thưởng: Bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác phù hợp theo quy định pháp luật và Điều lệ;
5. Mức khen, thưởng: Trong phạm vi được ĐHCĐ phê chuẩn;
6. Đối với đối tượng là người điều hành Công ty khác, nguồn kinh phí thưởng được trích từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn mức khen thưởng cụ thể.

Điều 62. Kỷ luật

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm trong từng giai đoạn cụ thể nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cô đồng hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 63. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, người điều hành Công ty khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, người điều hành Công ty khác và những người liên quan tới các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành và người điều hành Công ty khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHCĐ hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành,

người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định pháp luật và Điều lệ, các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty;

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, người điều hành Công ty khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan,

Điều 64. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 65. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty..

2. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 66. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến Công ty. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 68. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 69. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 70. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác

Thu nhập của Tổng giám đốc, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 71. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 72. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương XII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 73. Báo cáo Định kỳ hàng năm

Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Giám sát Công ty

Các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế cho quy chế khác đã ban hành trước đây. Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các nghĩa vụ khác đã quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Diệu Thùy